TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/DS-ST
Ngày 17-8-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tây Nguyên.

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Trần Thị Hải Thương - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2026/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1959; căn cước công dân số: 038059012209; địa chỉ: Bon T, xã T, tỉnh Lâm Đồng - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1989; căn cước công dân số: 075089003773 và bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 075187022300; địa chỉ: Bon T, xã T, tỉnh Lâm Đồng – Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Sang Thị Thu H, sinh năm 1967; căn cước công dân số: 067167003093; địa chỉ: Tổ G N, phường B, tỉnh Lâm Đồng - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thế T trình bày: Ngày 12/5/2023, ông Nguyễn Thế T và vợ là bà Sang Thị Thu H có cho vợ chồng ông Lê Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Yến L vay số tiền 140.400.000 đồng, không thỏa thuận lãi; cho vay 2.730 kg cà phê nhân xô Rô-bút-ta và bán phân bón gồm 10 bao lân Văn Điển trị giá 2.500.000 đồng, 10 bao

phân NPK mùa khô trị giá 6.500.000 đồng, 10 bao phân nở trị giá 2.000.000 đồng và đổi phân hàm lượng cao hơn, bù thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng đã bán 12.000.000 đồng tiền phân bón; các khoản nợ cùng đến hạn vào ngày 30/11/2023 nhưng khi đến hạn thì ông Đ và bà L không thanh toán. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà L phải trả cho ông T và bà H tổng số tiền 140.400.000 đồng đã vay, lãi đối với khoản vay là 10%/năm, tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm; buộc ông Đ và bà L phải trả 2.730 kg cà phê nhân xô Rô-bút-ta; trả 12.000.000 đồng tiền mua phân bón và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sang Thị Thu H trình bày: Bà H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án buộc ông Lê Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Yến L thực hiện toàn bộ nghĩa vụ nêu trên.

3. Đối với bị đơn ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về yêu cầu khởi kiện và chứng cứ kèm theo nhưng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không hợp tác làm việc với Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; những người tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Thế T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sang Thị Thu H chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L không chấp hành theo quy định của pháp luật và cố tình vắng mặt không có lý do là đã tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội); áp dụng các Điều 288, 289, 357, 385, 401, 430, 440, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với Giấy ghi nợ đề ngày 12/5/2023, có nội dung "Đạt Loan vay chú T", có chữ ký và chữ viết tên "Lê Thanh Đ" (bản gốc) là tài liệu do nguyên đơn cung cấp theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng nên được chấp nhận để làm căn cứ để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Nguyễn Thế T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền và tài sản vay, trả tiền nợ do mua phân bón nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*". Căn cứ Biên bản xác minh ngày 19/5/2026 tại Công an xã T, tỉnh Lâm Đồng bị đơn ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon T, xã T, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Thế T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sang Thị Thu H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định bị đơn có địa chỉ tại thôn A, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Tại Biên bản làm việc ngày 19/5/2026 với ông Nguyễn Mai H1 (thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng) thì xác định bị đơn chỉ ở trọ tại thôn A (không có đăng ký tạm trú) và tại thời điểm 19/5/2026 không có mặt tại thôn A. Tại Biên bản xác minh ngày 19/5/2026 tại Công an xã T, tỉnh Lâm Đồng xác định bị đơn có đăng ký thường trú tại bon T, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó, Tòa án xác định được bị đơn ở nhà thuê tại bon P, xã T, tỉnh Lâm Đồng (không đăng ký tạm trú) nên đã tống đạt trực tiếp các văn bản gồm thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập lần 01 và lần 02, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 01 và lần 02 cho bị đơn (người nhận là bà Nguyễn Thị Yến L). Tuy nhiên, bị đơn không có mặt làm việc tại Tòa án theo thời gian đã thông báo và bỏ đi khỏi nhà thuê tại bon Păng Sim nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tiếp theo cho bị đơn tại địa chỉ đăng ký thường trú là bon T, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bị đơn ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án và phiên tòa xét xử mở lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/5/2023, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận chốt lại số nợ và cam kết ngày 30/11/2023 thanh toán. Ngày 23/3/2026, ông Nguyễn Thế T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về chứng cứ xác lập nghĩa vụ trả nợ: Giấy ghi nợ đề ngày 12/5/2023 (bản gốc) có nội dung "Đạt Loan vay chú T" đã ghi rõ tiền vay là 140.400.000 đồng, vay cà phê nhân xô R-bút-ta 2.730 kg, mua thiếu tiền phân bón gồm 10 bao lân Văn Điển trị giá 2.500.000 đồng, 10 bao phân NPK mùa khô trị giá 6.500.000 đồng, 10 bao phân nở trị giá 2.000.000 đồng và đổi phân hàm lượng cao hơn, bù thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng đã bán 12.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày

30/11/2023, có chữ ký và chữ viết tên "Lê Thanh Đ". Đến hạn thanh toán ông Đ và bà L không trả tiền và cà phê như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung giấy ghi nợ phù hợp với lời trình bày của ông T, bà H tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai. Bị đơn ông Lê Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Yến L đã được Tòa án thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ chứng minh nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thanh toán các khoản nợ nêu trên. Do đó, có đủ căn cứ xác định giao dịch vay tài sản và mua bán tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo các Điều 385, 401, 430 và 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ của bị đơn: Theo tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L là vợ chồng hợp pháp. Đồng thời, Giấy ghi nợ đề ngày 12/5/2023 thể hiện vợ chồng ông Đ, bà L cùng là bên vay tiền, vay cà phê và mua chịu tiền phân bón, các khoản vay, mua chịu này phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp (cà phê, phân bón) và sinh hoạt trong đời sống chung của gia đình ông Đ, bà L. Do đó, có căn cứ xác định đây là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ông Đ, bà L phải liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 288 của Bộ luật Dân sự. Đối với ông Nguyễn Thế T và bà Sang Thị Thu H là vợ chồng hợp pháp, cùng là bên cho vay, bán tài sản nên có quyền yêu cầu ông Đ, bà L thực hiện nghĩa vụ theo Điều 289 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Đối với khoản tiền vay 140.400.000 đồng: Do các bên không thỏa thuận lãi suất nên áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, khi đến hạn thanh toán đã thỏa thuận (ngày 30/11/2023) mà bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (bằng 50% mức lãi suất giới hạn 20%/năm, tương ứng 10%/năm). Trong vụ án này, nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ (từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2026 tổng là 624 ngày nên tiền lãi phải trả là 140.400.000 đồng x 10%/năm x 624/365 ngày = 24.002.630 đồng).

[2.4] Đối với tiền mua phân bón 12.000.000 đồng: Bị đơn mua chịu tiền phân bón và có nghĩa vụ thanh toán chậm nhất vào ngày 30/11/2023 nhưng không thực hiện nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo Điều 357, khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với mức lãi suất 10%/năm (từ ngày 01/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2026 tổng là 990 ngày nên tiền lãi chậm trả là 12.000.000 đồng x 10%/năm x 990/365 ngày = 3.254.794 đồng).

[2.5] Đối với việc vay 2.730 kg cà phê nhân xô Rô-bút-ta: Đây là tài sản vay bằng hiện vật nên bên vay ông Đ, bà L có nghĩa vụ trả cho bên cho vay ông T, bà H đủ tài sản cùng loại, đúng số lượng và chất lượng theo khoản 2 Điều 466 của

Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thể trả bằng hiện vật thì được thanh toán bằng tiền theo giá thị trường tại địa điểm, thời điểm trả nợ khi được bên cho vay là ông T, bà H đồng ý.

[2.6] Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và quy đổi đối với 2.730 kg cà phê nhân xô Rô-bút-ta thành tiền theo giá trung bình trên thị trường tại địa phương vào thời điểm xét xử sơ thẩm là 96.360 đồng/kg nên án phí bị đơn phải chịu được tính trên tổng số tiền: (2.730 kg x 96.360 đồng/kg) + 140.400.000 đồng + 24.002.630 đồng + 12.000.000 đồng + 3.254.794 đồng = 442.720.224 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội); áp dụng các Điều 288, 289, 357, 385, 401, 430, 440, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T:

1.1. Buộc ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L liên đới trả cho ông Nguyễn Thế T và bà Sang Thị Thu H tổng số tiền 179.657.424đ (*Một trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*), gồm:

- Tiền vay gốc 140.400.000đ *(Một trăm bốn mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)* và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2026 là 24.002.630đ *(Hai mươi tư triệu không trăm lẻ hai nghìn sáu trăm ba mươi đồng)*.

- Tiền mua phân bón còn nợ 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)* và lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2026 là 3.254.794đ *(Ba triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

1.2. Buộc ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L liên đới trả cho ông Nguyễn Thế T và bà Sang Thị Thu H 2.730 kg (*Hai nghìn bảy trăm ba mươi kilôgam*) cà phê nhân xô Rô-bút-ta cùng loại, đúng số lượng và chất lượng như

khi vay. Trường hợp không thể trả bằng hiện vật thì việc thanh toán bằng tiền được thực hiện theo giá thị trường tại địa điểm, thời điểm trả nợ khi được ông Nguyễn Thế T và bà Sang Thị Thu H đồng ý.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Yến L phải chịu 21.708.809.000đ (*Hai mươi mốt triệu bảy trăm lẻ tám nghìn tám trăm lẻ chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Diễm My